TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÔN ĐẢO** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ	*Côn Đảo, ngày 08 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ vào các Điều 29, 35, 39, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST-VHNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Đức Th, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 600 Trần Đ, Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Ngọc Huyền Tr, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Khu dân cư A, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân của ông Trần Đức Th và bà Lê Ngọc Huyền Tr là hợp pháp, đã đăng ký kết hôn tại UBND huyện Côn Đảo theo giấy đăng ký kết hôn số 46.2012 ngày 05/11/2012 (Trích lục kết hôn số 35/TLKH-BS ngày 24/06/2016).

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn ngày 31-5-2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức Th và bà Lê Ngọc Huyền Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Th và bà Tr có một con chung là cháu Trần Mai Th, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2012, hiện cháu Th đang ở cùng với bà Tr. Bà Lê Ngọc Huyền Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Th đồng ý cấp dưỡng để bà Tr nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Mai Th đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Th và bà Tr đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Th và bà Tr tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Th và bà Tr xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Th và bà Tr phải nộp lệ phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0012080 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo. Ông Th và bà Tr đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- UBND huyện Côn Đảo;
- Chi cục THADS huyện Côn Đảo;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Túy